

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG CHÀ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST

Ngày 06/5/2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG CHÀ, TỈNH ĐIỆN BIÊN
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lò Văn Dinh

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hiên.

2. Bà Vừ Thị Sùng.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: bà Nguyễn Kim Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Chà tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Chà tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 09/2019/HNGĐ-ST ngày 14/01/2019 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh L V P - Sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Bản M M 2, xã M M, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên - Có mặt.

2. Bị đơn: Chị L T N - Sinh năm 1981.

Địa chỉ: Bản M M 2, xã M M, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên - Vắng không có lý do.

Người bảo vệ Q và lợi ích hợp pháp cho anh L V P là ông Phùng Việt Hoa thuộc văn phòng luật sư Phùng Việt Hoa là Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý, thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 14/12/2018, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn anh L V P trình bày:

* Về hôn nhân: Anh và chị L T N sau tìm hiểu anh chị tiến tới hôn nhân, anh chị có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 05/4/2002 tại UBND xã M M Chà, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên. Anh chị đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc, sau khi kết hôn anh chị về chung sống với nhau tại bản M M 2, xã M M, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên. Cuộc sống chung hạnh phúc cho đến mấy năm gần đây anh chị mới bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do trong

cuộc sống sinh hoạt hàng ngày giữa vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi nhau rồi dẫn đến xô sát. Mỗi lần xảy ra cãi nhau chị N lại bỏ nhà đi không biết đi đâu khoảng 3 đến 4 ngày hôm sau mới về, do vậy anh chị không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Anh chị sống chung nhà nhưng không còn sinh hoạt chung. Nay anh không còn tình cảm vợ chồng với chị N, cuộc sống chung giữa vợ chồng không thể kéo dài thêm được, mục đích hôn nhân không đạt được, vậy anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L T N.

* Về con chung: Anh và chị N có 02 con chung, cháu L V P sinh ngày 16/5/2002 và cháu L A Q sinh ngày 20/12/2008. Sau khi ly hôn anh muốn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 cháu P và Q cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con cùng với anh. Cháu L V P có nguyện vọng sau khi bố mẹ ly hôn muốn được ở với bố, còn cháu L A Q có nguyện vọng sau khi bố mẹ ly hôn muốn được ở với mẹ.

* Về tài sản chung, riêng và công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Người bảo vệ Q và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn anh L V P là ông Phùng Việt Hoa trình bày: Cuộc hôn nhân giữa anh L V P và chị L T N là hôn nhân hợp pháp, được xây dựng trên cơ sở tự nguyện. Tuy nhiên trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày giữa vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L V P, cho anh L V P được ly hôn với chị L T N.

Về con chung: Xét nguyện vọng của anh Pâng sau khi ly hôn muốn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 cháu Q và Q cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Xét đến nguyện vọng của cháu L V P sau khi bố mẹ ly hôn muốn được ở với bố, cháu L A Q sau khi bố mẹ ly hôn muốn được ở với mẹ. Tuy nhiên xét thấy chị N không có việc làm ổn định, thường xuyên bỏ nhà đi vì vậy để đảm bảo cuộc sống của hai cháu Q và Q, đề nghị áp dụng 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, giao hai cháu L V P và cháu L A Q cho anh Pâng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu cho đến khi đủ tuổi trưởng thành, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con cùng với anh Pâng.

Về tài sản chung, riêng và công nợ của vợ chồng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội, đề nghị HĐXX miễn toàn bộ án phí DSST cho anh L V P.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm

Hội đồng xét xử nghị án không vi phạm gì; Đối với bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, gây ảnh hưởng đến tiến độ và hiệu quả giải quyết vụ án. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L V P, cho anh L V P được ly hôn với chị L T N; Giao 2 cháu L V P và L A Q cho anh Pâng nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi trưởng thành, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con, chị N có Q gặp gỡ, thăm hỏi con không ai được cản trở.

Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội, miễn toàn bộ án phí DSST cho anh L V P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:**

[1] Về thẩm Q giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của đương sự thì vụ án thuộc thẩm Q giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường Chà theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho chị N nhưng không tổng đạt trực tiếp được, Tòa án đã tiến hành niêm yết. Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, Tòa án đã tổng đạt và niêm yết đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nay chị L T N vắng mặt tại phiên tòa, anh L V P có mặt tại phiên tòa. Do vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị L T N theo quy định của pháp luật.

*** Về nội dung vụ án:**

[2] Xét quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa anh L V P và chị L T N là hôn nhân hợp pháp, được xây dựng trên cơ sở tự nguyện. Sau khi đăng ký kết hôn với nhau, anh chị chung sống hạnh phúc với nhau thời gian đầu, đến thời gian gần đây phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày giữa vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, đã xảy ra nhiều bất hòa không thể tháo gỡ được. Hội đồng xét xử xét thấy điều đó đã thể hiện tình cảm giữa chị N và anh Pâng không còn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, anh Pâng có đơn xin ly hôn với chị N. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ cho anh Pâng được ly hôn với chị N là phù hợp theo quy định tại Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh và chị có 02 con chung, cháu L V P sinh ngày 16/5/2002 và cháu L A Q sinh ngày 20/12/2008. Sau khi ly hôn anh Pâng có nguyện vọng muốn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 cháu Q và Q cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con cùng với anh. Xét đến nguyện vọng của cháu L V P sau khi bố mẹ ly hôn muốn được ở với bố, cháu L A Q sau khi bố mẹ ly hôn muốn được ở với mẹ. Tuy nhiên xét thấy chị N không có

việc làm ổn định, thường xuyên bỏ nhà đi vì vậy để đảm bảo cuộc sống của hai cháu Q và Q, cần áp dụng 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, giao hai cháu L V P và cháu L A Q cho anh Păng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu cho đến khi đủ tuổi trưởng thành, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con cùng với anh Păng. Chị N có Q gặp gỡ, thăm hỏi con không ai được cản trở, Q nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi sau ly hôn khi có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[5] Về án phí: Anh L V P là dân tộc thiểu số, sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính Phủ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, cần miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho anh Păng.

[6] Ý kiến quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án và lời trình bày quan điểm của người bảo vệ Q và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 58; 81; 82; 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L V P.

1. Về hôn nhân: Anh L V P được ly hôn với chị L T N.

2. Về con chung: - Giao hai cháu L V P sinh ngày 16/5/2002, cháu L A Q sinh ngày 20/12/2008 cho anh L V P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu, cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con cùng với anh Păng. Chị N có Q gặp gỡ, thăm hỏi con không ai được cản trở, Q nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi sau ly hôn khi có yêu cầu.

3. Về tài sản và công nợ: Không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội, miễn toàn bộ án phí DSST cho anh L V P.

Áp dụng Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Anh L V P, có mặt được Q kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (06/5/2019). Chị L T N vắng mặt được Q kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện MC;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THADS huyện MC;
- TA tỉnh Điện Biên;
- UBND xã M M;
- Lưu hồ sơ.

Lò Văn Đình